

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2021
V/v: “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh **Phạm Minh Th** - sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp A, xã Ph T, thị xã G R, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: chị **Huỳnh Thị C** – sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp A, xã Ph Th, thị xã G R, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu được xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn anh Phạm Minh Th trình bày theo đơn khởi kiện và lời khai:***

Về hôn nhân: Tôi và C sống chung vợ chồng với nhau vào năm 2004, khi về sống chung vợ chồng do tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xã Ph T, thị xã G R ngày 08/10/2010. Trong thời gian sống chung vợ chồng giữa tôi và Chi phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau nên đã ly thân hơn 03 – 04 năm nay. Trong thời gian ly thân chúng tôi cũng không có gặp nhau để hàn gắn hôn nhân. Nay, tôi thấy cuộc sống chung vợ chồng với Chi không có hạnh phúc, tôi yêu cầu được ly hôn và không có nguyện vọng hàn gắn hôn nhân.

Về con chung: tôi và C có hai người con chung tên Phạm Bảo N – sinh ngày 10/10/2005 và Phạm Bảo Đ – sinh ngày 30/12/2010. Cháu N hiện đang sống chung

với tôi và cháu Đ đang sống với chị C Khi ly hôn tôi đồng ý giao cháu Đ cho Chị nuôi dưỡng và tôi đồng ý được nuôi cháu N và không phải cấp dưỡng.

Về tài sản: tôi không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị C trình bày theo lời khai:

- Về hôn nhân: chị C thống nhất với anh Th về thời gian sống chung vợ chồng, lý do mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Nay anh Th có yêu cầu được ly hôn, chị C đồng ý ly hôn và không có nguyện vọng được hàn gắn hôn nhân.

- Về con chung: chị C thống nhất với lời trình bày của anh Th là có hai người con chung. Khi ly hôn chị C đồng ý giao cháu N cho anh Th nuôi dưỡng và chị C đồng ý được nuôi cháu Đ và không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị C không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Diễn biến tại phiên tòa thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 85 luật Hôn nhân gia đình 2014.

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Minh Th và chị Huỳnh Thị C

- Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện giữa anh Th và chị C tiếp tục giao con chung tên Phạm Bảo N – sinh ngày 10/10/2005 cho anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung tên Phạm Bảo Đ – sinh ngày 30/12/2010 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh Th và chị C không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh Th và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: do anh Th và chị C không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Phạm Minh Th có yêu cầu khởi kiện được ly hôn với chị Huỳnh Thị C, Chị C có địa chỉ tại ấp A, xã Ph Th, thị xã G R, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về tố tụng: do anh Th và chị C cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th và chị C theo quy định.

3. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: anh Phạm Minh Th và chị Huỳnh Thị C thống nhất sống chung vợ chồng với nhau vào năm 2004, khi về sống chung vợ chồng có tổ chức đám cưới

và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xã Ph T, thị xã G R ngày 08/10/2010. Trong thời gian sống chung vợ chồng giữa anh Th và chị C phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau nên đã ly thân hơn 03 – 04 năm nay. Nay anh Th có yêu cầu được ly hôn với chị C và chị C cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Minh Th và chị Huỳnh Thị C

Về con chung: anh Phạm Minh Th và chị Huỳnh Thị C thống nhất có 02 người con chung tên Phạm Bảo N – sinh ngày 10/10/2005 hiện đang sống chung với anh Th và Phạm Bảo Đ – sinh ngày 30/12/2010 hiện đang sống với chị C Khi ly hôn anh Th và chị C thống nhất anh Th sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo N và chị C sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Trang Đ. Xét thấy, đây là sự tự thỏa thuận của anh Th và chị C sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo Ng và cháu Trang Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Th và chị C không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: anh Phạm Minh Th phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Xét quan điểm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về “định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Minh Th và chị Huỳnh Thị C

2. Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện giữa anh Th và chị C tiếp tục giao con chung tên Phạm Bảo N – sinh ngày 10/10/2005 cho anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; Giao con chung tên Phạm Bảo Đ – sinh ngày 30/12/2010 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Do anh Th và chị C không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh Th và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về tài sản: do anh Th và chị C không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: anh Phạm Minh Th phải chịu với số tiền 300.000 đồng, anh Th đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002357 ngày 01/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai nên được chuyển sang thu án phí.

Chị C không phải nộp án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- THA dân sự thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Khởi